



## GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY

Số: 87/2025/DNNK-SVIBM

Chứng nhận sản phẩm:

**GẠCH GỐM ỐP LÁT**

Kiểu loại: Chi tiết tại phụ lục đính kèm

Đơn vị sản xuất:

**GUOCERA SDN. BHD.**

Địa chỉ: 201, Jalan Mengkibol, 86000 Kluang, Johor Darul Takzim, Malaysia.

Đơn vị nhập khẩu:

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT**

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường Đức Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phù hợp với QCVN 16:2023/BXD - Nhóm sản phẩm vật liệu ốp lát

Công ty được phép sử dụng dấu hợp quy



Phương thức đánh giá:

Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012;

Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017

và Thông tư số 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024

Giấy chứng nhận và dấu hợp quy có giá trị sử dụng kể từ 24/07/2025 đến hết 23/07/2028

TRƯỞNG VĂN PHÒNG

Tp.HCM, ngày 24 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC PHÂN VIỆN

Phạm Đức Nhuận



Lê Văn Quang

Số: 87.26/QĐMRCN-SVIBM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

V/v: Chứng nhận chất lượng sản phẩm

- Căn cứ Điều 52 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ban hành ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2023/BXD ngày 30/06/2023 và Thông tư 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024 của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Phân viện Vật liệu xây dựng miền Nam;
- Căn cứ Quyết định số 1200/QĐ-BXD ngày 16/12/2024 của Bộ Xây dựng về việc chỉ định tổ chức thử nghiệm/ chứng nhận;
- Căn cứ kết quả thẩm tra Hồ sơ đánh giá;
- Xét đề nghị của Trưởng Văn phòng chứng nhận.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Bổ sung danh sách sản phẩm được chứng nhận mở rộng theo Giấy chứng nhận hợp quy số 87/2025/DNNK-SVIBM ngày 24/07/2025 cho sản phẩm: **Gạch gốm ốp lát**

**Đơn vị sản xuất: GUOCERA SDN. BHD.**

**Địa chỉ nhà máy:** 201, Jalan Mengkibol, 86000 Kluang, Johor Darul Takzim, Malaysia.

**Đơn vị nhập khẩu: CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT**

**Địa chỉ:** 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường Đức Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam. **Phù hợp với Quy chuẩn QCVN 16: 2023/BXD - Nhóm sản phẩm Gạch gốm ốp lát**

**Điều 2:** GUOCERA SDN. BHD phải đảm bảo sự phù hợp của sản phẩm với Quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD trong quá trình sản xuất. Công ty được phép sử dụng dấu hợp quy trên các sản phẩm đã được chứng nhận.

**Điều 3:** Quyết định số 87.26/QĐMRCN-SVIBM ngày 05/06/2026 và danh sách sản phẩm được chứng nhận mở rộng là một phần không thể tách rời của Giấy chứng nhận hợp quy số 87/2025/DNNK-SVIBM ngày 24/07/2025.

PHÂN VIỆN VLXD MIỀN NAM

**Nơi nhận:**

- Như Điều 1;
- Lưu VT; VPCN.



**GIÁM ĐỐC**  
TS. Lê Văn Quang

## PHỤ LỤC / APPENDIX

### DANH SÁCH SẢN PHẨM GẠCH CERAMIC CERAMIC TILES LIST

Đơn vị nhập khẩu/ *Importer:*

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT.**  
**VIET CERAMICS INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY**

(Kèm theo Quyết định mở rộng số: **87.26/QĐMRCN-SVIBM** ngày **05/06/2026** của Phân Viện Vật liệu xây dựng Miền Nam/ *According to decision No 87.26/QĐMRCN-SVIBM dated June 05, 2026*)

| STT No. | Tên sản phẩm<br>Product's name                             | Nhóm<br>Group | Đặc tính bề mặt<br>Surface Properties                                              | Mã sản phẩm<br>Code | Kích thước<br>Dimension (cm) |
|---------|------------------------------------------------------------|---------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------|
| 1       | Gạch gốm ốp lát ép bán khô,<br>có phủ men<br>Ceramic Tiles | <b>B1a</b>    | Gạch gốm ốp lát ép bán khô,<br>có phủ men<br>Dry pressed glazed porcelain<br>tiles | SS-TRE1NR           | 300 x 600 x 8.8              |
| 2       |                                                            |               |                                                                                    | SS-TRE2NR           | 300 x 600 x 8.8              |
| 3       |                                                            |               |                                                                                    | SY-TRE1NR           | 600 x 600 x 8.8              |
| 4       |                                                            |               |                                                                                    | SY-TRE2NR           | 600 x 600 x 8.8              |
| 5       |                                                            |               |                                                                                    | D1XKRN1NR           | 600 x 1200 x 10.0            |
| 6       |                                                            |               |                                                                                    | D2XKRN1NR           | 600 x 1200 x 10.0            |
| 7       |                                                            |               |                                                                                    | 60P013A             | 600 x 600 x 8.8              |
| 8       |                                                            |               |                                                                                    | YR5086B             | 600 x 600 x 9.3              |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2026

**PHÂN VIỆN VLXD MIỀN NAM**



**GIÁM ĐỐC**  
*TS. Lê Văn Quang*